

Bản án số: 193/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2019

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **PHẠM HÙNG THÁI**

2. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

-Thư ký phiên tòa: Ông **TRẦN MINH CƯỜNG** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **HUỲNH THỊ CẨM** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 540/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **PHẠM VĂN BÉ S**, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà **TRƯƠNG THỊ P**, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 22/7/2019 và lời khai tại Tòa, nguyên đơn ông Phạm Văn Bé S trình bày:

Do mai mối nên ông và bà P xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1992, không có đăng ký kết hôn. Ông bà sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm thường tranh cãi, bà P sống không chung thủy làm cuộc sống chung không hạnh phúc nên đã ly thân luôn từ đó đến nay. Nay ông yêu cầu được ly hôn bà P.

Con chung có hai cháu tên Phạm Vũ L, sinh ngày 10/10/1993 và Phạm Vũ L1, sinh ngày 25/8/1997. Hiện đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 06/8/2019 và lời khai tại Tòa, bị đơn Trương Thị P trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của ông S về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, bà cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn của hai vợ chồng là do ông S nhậu say về đánh đập bà nên cuộc sống vợ chồng mất hạnh phúc. Nay bà không đồng ý ly hôn với ông S.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông S có mặt, bị đơn bà P vắng mặt không lý do.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và của các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Hiện tại thì chưa phát hiện sai sót gì để kiến nghị khắc phục. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố không công nhận ông Phạm Văn Bé S và bà Trương Thị P là vợ chồng. Con chung đều đã trưởng thành, tài sản chung và nợ chung đều không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Trương Thị P vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Tại phiên tòa, ông S trình bày do mai mối nên ông và bà P xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1992, hiện tại vẫn chưa đăng ký kết hôn. Ông bà sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, bà P sống không chung thủy làm cuộc sống vợ chồng mất tình cảm, không còn hạnh phúc và đã chính thức ly thân luôn từ đó cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của ông bà đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng cả hai xác lập quan hệ vợ chồng từ năm 1992 đến nay mà cũng không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Cho nên, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì ông S và bà P không được công nhận là vợ chồng.

[3] *Về con chung:* Có hai con chung tên Phạm Vũ L, sinh ngày 10/10/1993 và Phạm Vũ L1, sinh ngày 25/8/1997 hiện đều đã trưởng thành và lao động được nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí:* Ông S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Phạm Văn Bé S và bà Trương Thị P là vợ chồng.

Về con chung: Phạm Vũ L, sinh ngày 10/10/1993 và Phạm Vũ L1, sinh ngày 25/8/1997 hiện đều đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Ông S phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 0002172 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM